TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Ngô Thị Yêm
Ông Nguyễn Hữu Đệ
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Th Nga - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Trụ sở chính: Số 442 Nguyễn Thị Minh K, phường x, Quận y, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Th - Giám đốc xử lý nợ; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Vũ Ly L - Nhân viên xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 2151/UQ-QLN.23 ngày 18/7/2023.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 198x và chị Ngô Thị Th, sinh năm 198x; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố H; Hiện đang tạm trú tại: Tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 193x (bà nội anh T)
2. Ông Nguyễn Đình Sử, sinh năm 195x (bố anh T)
3. Bà Nguyễn Thị Ch (mẹ anh T).
4. Cháu Nguyễn Ánh Ng, sinh năm 200x (con anh T).

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th là anh T theo Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2023; Người đại diện theo pháp luật của cháu Ng là anh T, chị Th.

Tại phiên tòa: Có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Ly L trình bày:

Giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi là Ngân hàng A và bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th đã ký kết các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ sau:

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013 và Khế ước nhận nợ số 01-171986529 ngày 09/01/2014 có nội dung; số tiền vay: 500.000.000 đồng và đã giải ngân 500.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng - mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình; phương thức vay: Cho vay từng lần; thời hạn vay 84 tháng; lãi suất 12/%/năm, cố định trong 09 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu, điều chỉnh từ tháng thứ 10; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.700.050517 ngày 22/5/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN.700.050517/SĐBS-01 ngày 17/7/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN.700.050517/SĐBS-02 ngày 05/4/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN.700.050517/SĐBS-03 ngày 04/10/2018 và Khế ước nhận nợ số 238508299 ngày 22/5/2017; số tiền vay: 2.900.000.000 đồng và số tiền thực tế giải đã giải ngân là 1.000.000.000 đồng; mục đích vay mua nhà, đất - đất để xây dựng nhà ở và mua bất động sản; phương thức vay: cho vay từng lần; thời hạn vay 180 tháng; lãi suất 9,8/%/năm, cố định trong 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu; điều chỉnh từ tháng thứ 4; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.646.180118 ngày 19/01/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN. 646.180118/SĐBS-01 ngày 05/4/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN. 646.180118/SĐBS-02 ngày 04/10/2018 và Khế ước nhận nợ số 254509529 ngày 19/01/2018; số tiền vay: 500.000.000 đồng và số tiền tiền thực tế giải ngân là 335.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng - khác - hoàn vốn mua xe; phương thức vay: cho vay từng lần; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất 9,5/%/năm, cố định trong 06 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu; điều chỉnh 03 tháng/lần từ tháng thứ 7; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, vợ chồng anh T, chị Th đã ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 2047.2013/HĐTC, Quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2013 tại Văn phòng công chứng Bảo Khánh thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 129 tại Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 501252, vào sổ cấp

GCN: 3601.QĐ.UBND.2011, CH.00726.2011 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 05/10/2011 cho anh Nguyễn Đình T và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông Anh ngày 02/01/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T và chị Th đã không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Tính đến ngày 31/7/2023, anh T, chị Th còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 1.802.144.053 đồng, cụ thể: tổng dư nợ gốc là 1.060.686.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn là 57.872.335 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 606.727.135 đồng; tổng lãi phạt chậm trả là 76.858.583 đồng. Cụ thể:

Theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013 và Khế ước nhận nợ số 171986529 là: Nợ gốc: 59.478.000 đồng; Lãi trong hạn: 3.329.852 đồng; Lãi quá hạn: 33.822.466 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi: 5.975.229 đồng; Tổng cộng: 102.605.547 đồng.

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.700.050517 ngày 22/5/2017, các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung và Khế ước nhận nợ số 238508299 ngày 22/5/2017 là: Nợ gốc: 952.800.000 đồng; Lãi trong hạn: 52.116.654 đồng; Lãi quá hạn: 548.248.082 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi: 67.820.858 đồng; Tổng cộng: 1.620.985.594 đồng.

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.646.180118 ngày 19/01/2018, các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung và Khế ước nhận nợ số 254509529 ngày 19/01/2018 là: Nợ gốc: 48.408.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.425.829 đồng; Lãi quá hạn: 24.656.587 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi: 3.062.496 đồng; Tổng cộng: 78.552.912 đồng.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 1.802.144.053 đồng, cụ thể: tổng dư nợ gốc là 1.060.686.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn là 57.872.335 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 606.727.135 đồng; tổng lãi phạt chậm trả là 76.858.583 đồng và toàn bộ số nợ lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 đến khi anh T, chị Th thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ trên.

Trường hợp anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 129 tại Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 501252, vào sổ cấp GCN: 3601.QĐ.UBND.2011, CH.00726.2011 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 05/10/2011 cho anh Nguyễn Đình T. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T, chị Th còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th trình bày: Giữa vợ chồng anh, chị với Ngân hàng A có ký các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi bổ

sung hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ như Ngân hàng đã trình bày trên. Để đảm bảo cho các khoản vay trên vợ chồng anh, chị đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Bảo Khánh, thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 129, diện tích 253m^2 tại Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 501252 cho tôi anh Nguyễn Đình T.

Do việc làm ăn của vợ chồng anh, chị gặp nhiều khó khăn; do cơ chế nên Trường trung cấp cảnh sát nhân dân 6 (T51) giải thể, vợ chồng anh, chị bị chấm dứt hợp đồng thầu căng tin trong trường trước thời hạn và do dịch Covid trong những năm vừa qua nên vợ, chồng anh chị không trả được tiền cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Đến nay, Ngân hàng khởi kiện vợ chồng anh, chị theo thông báo của Tòa án anh, chị đã được nhận, quan điểm của anh, chị như sau: Đề nghị Ngân hàng cho anh, chị trả dần nợ gốc và xin được miễn giảm tiền lãi, tiền phạt; Mỗi quý vợ chồng anh, chị sẽ trả 15 triệu đồng vào tiền nợ gốc và đến cuối năm 2024 anh, chị sẽ tất toán toàn bộ khoản vay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình S (bố anh T) trình bày: Nguyện vọng của gia đình ông là đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm số tiền lãi. Gia đình ông xin trả số tiền nợ gốc, lãi là 1.300.000.000 đồng để tất toán khoản vay và sẽ thực hiện vào cuối tháng 9/2023. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cụ T và bà Ch nhưng các đương sự không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án và không đến Tòa án làm việc, do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, cũng như tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự trong vụ án được.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên và đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 1.802.144.053 đồng, cụ thể: tổng dư nợ gốc là 1.060.686.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn là 57.872.335 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 606.727.135 đồng; tổng lãi phạt chậm trả là 76.858.583 đồng và toàn bộ số nợ lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 đến khi anh T, chị Th thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ trên. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ theo yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp luật của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ

tục tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh nhận thấy: Yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013, Khế ước nhận nợ số 171986529 và nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi phạt trậm trả lãi của Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.700.050517 ngày 22/5/2017, các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung và Khế ước nhận nợ số 238508299 ngày 22/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.646.180118 ngày 19/01/2018, các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung và Khế ước nhận nợ số 254509529 ngày 19/01/2018 và số nợ lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 đến khi anh T, chị Th trả hết nợ cho Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ trên là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền 5.975.229 đồng lãi phạt chậm trả lãi của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013 được ký trước ngày Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước có hiệu lực thi hành nên không được chấp nhận. Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp anh T, chị Th không trả nợ; Và quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th thanh toán tiền nợ và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng, các Giấy nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có địa chỉ, nơi cư trú và tài sản thế chấp là bất động sản tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tiến hành gửi hợp lệ các văn bản tố tụng đến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ T, bà Ch nhưng không đến Tòa án làm việc và không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và

những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng, nội dung hình thức của giao dịch dân sự trên phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005, 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 1.802.144.053 đồng, cụ thể: tổng dư nợ gốc là 1.060.686.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn là 57.872.335 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 606.727.135 đồng; tổng lãi phạt chậm trả là 76.858.583 đồng và toàn bộ số nợ lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 đến khi anh T, chị Th thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã nêu trên, xét thấy: Đối với số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013, Khế ước nhận nợ số 171986529 và số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi phạt trậm trả lãi của Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.700.050517 ngày 22/5/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN.700.050517/SĐBS-01 ngày 17/7/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN.700.050517/SĐBS-02 ngày 05/4/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN.700.050517/SĐBS-03 ngày 04/10/2018 và Khế ước nhận nợ số 238508299 ngày 22/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.646.180118 ngày 19/01/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN. 646.180118/SĐBS-01 ngày 05/4/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TDH.CN. 646.180118/SĐBS-02 ngày 04/10/2018 và Khế ước nhận nợ số 254509529 ngày 19/01/2018 phù hợp các Điều từ 471 đến 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều từ 463 đến 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho bị đơn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng như trên là phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013 được ký trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước có hiệu lực thi hành nên không được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ đúng hạn, xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 129 tại Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 501252, vào sổ cấp GCN: 3601.QĐ.UBND.2011, CH.00726.2011 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 05/10/2011 cho anh Nguyễn Đình T được công chứng tại Văn phòng công chứng Bảo Khánh số 2047.2013/HĐTC, Quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2013 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đông Anh ngày 02/01/2014 là phù hợp với các quy định của pháp luật về thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm. Anh T, chị Th đã tự nguyện đem tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình thế chấp cho Ngân hàng A để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phạt các khoản phí và chi phí khác phát sinh nếu có. Do đó, anh T, chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ và được chấp nhận.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì anh T, chị Th còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết các khoản nợ theo đúng thỏa thuận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chấp nhận và nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 3 Điều 159; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466, 468, 317, 318, 319 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th.

1. Buộc anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 ***là 1.796.168.824 đồng (một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng)***, cụ thể: tổng dư nợ gốc là 1.060.686.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 57.872.335 đồng, tổng nợ lãi quá hạn là 606.727.135 đồng, tổng lãi phạt chậm trả là 70.883.354 đồng theo nội dung các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung và các Khế ước nhận nợ đã nêu trên. Và số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013, Khế ước nhận nợ số 171986529; số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chạm trả lãi của Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.700.050517 ngày 22/5/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số TDH.CN.646.180118 ngày 19/01/2018, các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, Khế ước nhận nợ kèm theo phát sinh từ ngày 01/8/2023 đến khi anh T, chị Th thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th về số tiền phạt chậm trả lãi là 5.975.229 đồng và số tiền tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số TDH.CN.374.271213 ngày 30/12/2013, Khế ước nhận nợ số 171986529.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th không trả đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 129 tại Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 501252, vào sổ cấp GCN: 3601.QĐ.UBND.2011, CH.00726.2011 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 05/10/2011 cho anh Nguyễn Đình T để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A đến khi trả hết các khoản nợ.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T và chị Ngô Thị Th phải chịu 65.885.000 đồng (sáu mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.835.000 đồng, trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.535.000 đồng (hai mươi hai triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0017621 ngày 29/0/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)